

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/08/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Túc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Trọng Huề

2. Ông Vi Văn Muộn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tùng Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh Hòa Bình, tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04/03/2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Xa Thị T, Sinh năm 1984; trú tại: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Trú tại: Xóm Tày M xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên, nguyên đơn chị Xa Thị T trình bày:

Năm 2010 chị và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu, đã tự nguyện về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, được vài năm sau thì nảy sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân theo chị T thì trong cuộc sống vợ chồng, anh T đã không tôn trọng chị, thiếu trách nhiệm với vợ con, hay uống rượu say, chửi bới, đánh đập chị, làm cho chị luôn phải sống trong lo sợ; Nay chị không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa. Vì tình cảm giữa vợ và chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Xa Thị T và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Văn D sinh ngày 04/7/2010, chị T có yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng một triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị T không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng trình tự luật định, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, quan điểm gửi Tòa án. Qua điều tra xác minh tại địa phương, nơi cư trú của anh T được biết anh T hiện đi làm ăn xa nhà, thi thoảng có về thăm nhà và thường liên lạc với người thân qua điện thoại, nhưng cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, việc tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T với anh T là tự nguyện và hợp pháp, do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau; Hôn nhân giữa vợ và chồng đã ở mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cần áp dụng quy định tại các Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là yêu cầu Ly hôn - Tranh chấp về nuôi con; Bị đơn là anh Nguyễn Văn T, có nơi cư trú tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Đ, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình đã tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Xa Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; Hôn nhân do hai bên tự nguyện, thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; Mâu thuẫn giữa vợ và chồng đã nảy sinh từ vài năm nay, lý do vì kinh tế gia đình khó khăn, cả hai vợ chồng cùng phải đi làm xa, mỗi người sống một nơi, không thường xuyên quan tâm chăm sóc nhau vì thế mà tình cảm vợ chồng sút mẻ; trong cuộc sống anh T thường hay gây sự, chửi bới, đánh đập chị, vì vậy mà mâu thuẫn giữa vợ và chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Do không thể hòa giải được nên chị T phải làm đơn xin ly hôn anh T.

Quá trình giải quyết vụ án đã xác định được hôn nhân giữa chị Xa Thị T và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa, nên anh T và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa; Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Xa Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị Xa Thị T và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 04/7/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Xa Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của chị Thay là phù hợp với nguyện vọng của cháu D là được ở cùng với mẹ; Chị T hiện đã đi làm công nhân, có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con; Do vậy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa Chị Xa Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ, cho đến khi con chung Nguyễn Văn D đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị T là hợp lý cần chấp nhận và buộc anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Xa Thị T, anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn chị Xa Thị T;

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Xa Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2.*Về con chung :* Giao con Nguyễn Văn D, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2010 cho chị Xa Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Nghiêm cấm các hành vi cản trở anh T thực hiện quyền này.

3.*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng); Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/08/2019) cho đến khi cháu Nguyễn Văn D đủ 18 tuổi.

3.*Về án phí:* Chị Xa Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000đ, tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Đ theo biên lai số: 00004984 ngày 04/03/2019.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trở lại hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. Hòa Bình;
- VKSND h. Đ;
- Chi cục THADS h.Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, h .Đ;
- UBND xã Tu lý, h . Đ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Túc